

Số: 236/TTr-SNV

Đắk Nông, ngày 04 tháng 6 năm 2018

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018; giao số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Bốn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 16/5/2018 về nội dung 02 Tờ trình: số 139/TTr-SNV ngày 11/4/2018 về việc giao tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông và số 140/TTr-SNV ngày 11/4/2018 về việc giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông, Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Ngày 21/5/2018 Sở Nội vụ có Công văn số 763/SNV-TCBC về việc lấy ý kiến cắt giảm và phân bổ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc và số nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông; có 22 ý kiến góp ý các Sở, ban, ngành và 06 ý kiến góp ý của các huyện thị xã, trong đó: có 07 ý kiến thống nhất (*Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Văn phòng HĐND tỉnh, UBND huyện Đắk Song, BQLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông*) 02 ý kiến đề nghị giảm theo Đề án tinh giản biên chế đã được phê duyệt (*Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc*); 07 ý kiến đề xuất giữ nguyên biên chế, đề nghị không cắt giảm (*Sở Y tế, Thanh Tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Văn phòng điều phối nông thôn mới, UBND huyện Krông Nô*); 07 ý kiến thống nhất một phần nội dung dự thảo, đề nghị không cắt giảm ở những năm tiếp theo (2019-2021) (*Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND huyện Tuy Đức; Ban QLDA ĐT XD các công trình NN và PTNT*); 05 ý kiến đề nghị đơn vị tự giảm theo lộ trình và giảm số lượng cắt giảm biên chế (*Sở Nông nghiệp*



và PTNT, UBND thị xã Gia Nghĩa, UBND huyện Đắk Mil, UBND huyện Đắk R Lấp, Đài Phát thanh truyền hình).

Căn cứ ý kiến đề xuất của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thị xã; Sở Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Đối với ý kiến của các đơn vị đề nghị giữ nguyên biên chế và đề nghị không cắt giảm và đề nghị bổ sung biên chế là không phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế “*Từng bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong 7 năm (2015-2021) và từng năm, trong đó phải xác định tỷ lệ tinh giản biên chế tối thiểu là 10% biên chế của từng Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”.

2. Đối với ý kiến đề nghị giảm biên chế theo đề án Tinh giản biên chế đã được phê duyệt; đề nghị tự giảm theo lộ trình do đơn vị xây dựng và đề nghị giảm số lượng cắt giảm hàng năm là không phù hợp với văn bản đề nghị cắt giảm biên chế hàng năm do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ phê duyệt (*năm 2018 biên chế hành chính cắt giảm 32 biên chế; biên chế sự nghiệp cắt giảm 303 biên chế*). Nếu để các đơn vị tự cắt giảm theo Đề án tinh giản biên chế và theo lộ trình do các đơn vị tự xây dựng thì sẽ có tình trạng năm cắt giảm nhiều, năm cắt giảm ít và có năm không thực hiện việc cắt giảm thì sẽ không đảm bảo số lượng Bộ Nội vụ cắt giảm tại Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông từ năm 2018 – 2021 ít nhất *303 người/năm* (việc cắt giảm biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp cũng đồng nghĩa với cắt kinh phí năm 2018).

3. Để có cơ sở cắt giảm biên chế theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ; Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh văn bản số 518/UBND-NC ngày 31/01/2018 xin ý kiến Bộ Nội vụ về việc không cắt giảm và đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn phương án cắt giảm biên chế hàng năm. Ngày 28/02/2018 Bộ Nội vụ có văn bản số 771/BNV-TCBC có nội dung “*Căn cứ chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tinh giản biên chế, Bộ Nội vụ đã có văn bản số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 về việc thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông. Do vậy, để đảm bảo thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ, Thủ*



*tướng Chính phủ về việc tinh giản biên chế, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thực hiện theo đúng nội dung văn bản số 5998/BNV-TCBC của Bộ Nội vụ nêu trên”.*

Vậy, để đảm bảo thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tinh giản biên chế; đảm bảo số lượng cắt giảm biên chế theo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2018; Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018. Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông.

Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Tờ trình, Nghị quyết về việc ; giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông; giao tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức năm 2018 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh sau khi cắt giảm là **2.067** biên chế. Trong đó:

- Cấp tỉnh **1.289** biên chế;
- Cấp huyện **757** biên chế;
- Biên chế dự phòng: **21** biên chế; giảm **02** biên chế so với năm 2017.

2. Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 sau khi cắt giảm là **13.614** người, trong đó:

a) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh là **4.426** người, gồm:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: **1.618** người
- Sự nghiệp Y tế (bao gồm cả tuyến huyện, xã): **2.008** người
- Sự nghiệp khác: **800** người.

b) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện là **9.136** người.

Biên chế dự phòng: **68** (32+36) biên chế: **32** biên chế dự phòng và **36** biên chế giảm của 03 đơn vị (*Giảm Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (08 biên chế), Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng (15 biên*

ché); Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Dân dụng & Công nghiệp (13 biên chế); tổng cộng 36 (8+15+13) biên chế)

+ Giao 10 biên chế cho Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT; Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Giao thông (mỗi ban 05 biên chế) (68-10 = 58 biên chế)

+ Dự kiến giao Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa và Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng 06 biên chế (58-6 = 52 biên chế)

- Tổng biên chế dự phòng năm 2018 là 52, tăng 20 biên chế so với năm 2017.

(Có dự thảo Tờ trình, Nghị quyết kèm theo)

Kính trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCBC.



**Đoàn Văn Quỳnh**



## TỜ TRÌNH

### Về việc giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2018, Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị quyết về việc giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông và báo cáo giải trình một số nội dung liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị quyết, như sau:

#### 1. Tính pháp lý của dự thảo Nghị quyết

Theo Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2018, Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018.

#### 2. Sự cần thiết xây dựng dự thảo Nghị quyết

Tổng số biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông là: **2.067** người, giảm **32** người so với năm 2017, nhằm thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.



Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết trên là cần thiết, phù hợp với quy định của Trung ương.

### **3. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

Tổng số biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông là: **2.067** người, giảm **32** người so với năm 2017 (được giao theo Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016 của Bộ Nội vụ); số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2018 là: **167** hợp đồng.

- Giải trình việc đề nghị cắt giảm biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện chủ trương của Trung ương tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “*Từng bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước khác ở Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong 7 năm (2015-2021) và từng năm, trong đó phải xác định tỷ lệ tinh giản biên chế tối thiểu là 10% biên chế của từng Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”. Tương ứng với quy định trên, từ 2015-2021, biên chế công chức tỉnh Đắk Nông phải giảm tối thiểu **217** biên chế.

Theo Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông là: **2.067** biên chế, tinh giản **32** biên chế công chức. Việc giảm **32** biên chế tương ứng với tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông phải giảm 1,48% so với biên chế giao năm 2015; giảm **1,5%** so với biên chế được giao của năm 2017.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đề xuất tinh giản 1,5% trong tổng số biên chế công chức đối với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã được giao năm 2017. Số lượng biên chế tại các cơ quan, đơn vị sau khi cắt giảm là:

- Cấp tỉnh **1.289** biên chế;
- Cấp huyện **757** biên chế;
- Biên chế dự phòng: **21** biên chế; giảm **02** biên chế so với năm 2017

### **4. Nguyên tắc thực hiện việc cắt giảm biên chế công chức của các cơ quan hành chính căn cứ vào các nội dung sau:**

Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế của Đảng và Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021.



## **5. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị HĐND tỉnh giao tổng biên chế công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh, không thực hiện việc phân bổ chi tiết số lượng chỉ tiêu biên chế xuống các đơn vị trực thuộc, nhằm bảo đảm cho các đơn vị chủ động trong điều tiết công việc, nhiệm vụ được giao. Việc điều tiết biên chế trong nội bộ các đơn vị, hàng năm các đơn vị phải báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

Giao hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bốn**



PHỤ LỤC

Giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2018 của UBND tỉnh)

Biểu 01

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Biên chế giao năm 2018	Hợp đồng LĐ theo NĐ 68/2000/NĐ-CP giao năm 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.099</b>	<b>-32</b>	<b>2.067</b>	<b>167</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>1.308</b>	<b>-19</b>	<b>1.289</b>	<b>135</b>	
1	Sở Tư pháp	32	0	32	4	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	-1	41	4	
3	Sở Tài chính	56	-1	55	4	
4	Sở Nội vụ	81	-1	80	8	
5	Sở Công Thương	80	0	80	8	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	395	-6	389	28	
7	Sở Giao thông vận tải	46	-1	45	4	
8	Sở Xây dựng	42	-2	40	4	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	48	-1	47	5	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	34	0	34	4	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	-1	47	4	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50	0	50	4	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	40	-1	39	5	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	0	48	4	
15	Sở Y tế	59	0	59	7	
16	Thanh tra tỉnh	38	-1	37	4	
17	Văn phòng UBND tỉnh	65	-1	64	14	
18	Sở Ngoại vụ	22	-1	21	4	
19	Ban dân tộc	22	-1	21	4	
20	Văn phòng HĐND tỉnh	38	0	38	8	
21	Văn phòng Ban an toàn giao thông	4	0	4	0	
22	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	14	0	14	4	
23	Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	4	0	4	0	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>770</b>	<b>-13</b>	<b>757</b>	<b>32</b>	
1	UBND thị xã Gia Nghĩa	116	-1	115	4	
2	UBND huyện Đắk Glong	89	-1	88	4	
3	UBND huyện Krông Nô	89	-2	87	4	
4	UBND huyện Cư Jút	100	-2	98	4	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Biên chế giao năm 2018	Hợp đồng LĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP giao năm 2018	Ghi chú
5	UBND huyện Đắk Mil	96	-2	94	4	
6	UBND huyện Đắk Song	92	-2	90	4	
7	UBND huyện Đắk R'Lấp	98	-1	97	4	
8	UBND huyện Tuy Đức	90	-2	88	4	
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>21</b>		<b>21</b>		



DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh về việc Giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao biên chế công chức năm 2018 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông là **2.067** biên chế. Trong đó:

- Cấp tỉnh: **1.289** biên chế;
- Cấp huyện: **757** biên chế;



- Biên chế dự phòng: **21** biên chế.

Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2018 là: **167** hợp đồng.

**Điều 2.** Giao Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết chỉ tiêu biên chế đối với từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa III, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày      tháng      năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

**Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV phòng TH, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Diễn**



**PHỤ LỤC**

**Giao biên chế công chức; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tỉnh Đắk Nông**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*Biểu 01*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Biên chế giao năm 2018	Hợp đồng LĐ theo NĐ 68/2000/NĐ-CP giao năm 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.099</b>	<b>-32</b>	<b>2.067</b>	<b>167</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>1.308</b>	<b>-19</b>	<b>1.289</b>	<b>135</b>	
1	Sở Tư pháp	32	0	32	4	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	-1	41	4	
3	Sở Tài chính	56	-1	55	4	
4	Sở Nội vụ	81	-1	80	8	
5	Sở Công Thương	80	0	80	8	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	395	-6	389	28	
7	Sở Giao thông vận tải	46	-1	45	4	
8	Sở Xây dựng	42	-2	40	4	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	48	-1	47	5	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	34	0	34	4	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	-1	47	4	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50	0	50	4	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	40	-1	39	5	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	0	48	4	
15	Sở Y tế	59	0	59	7	
16	Thanh tra tỉnh	38	-1	37	4	
17	Văn phòng UBND tỉnh	65	-1	64	14	
18	Sở Ngoại vụ	22	-1	21	4	
19	Ban dân tộc	22	-1	21	4	
20	Văn phòng HĐND tỉnh	38	0	38	8	
21	Văn phòng Ban an toàn giao thông	4	0	4	0	
22	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	14	0	14	4	
23	Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	4	0	4	0	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>770</b>	<b>-13</b>	<b>757</b>	<b>32</b>	
1	UBND thị xã Gia Nghĩa	116	-1	115	4	
2	UBND huyện Đắk Glong	89	-1	88	4	
3	UBND huyện Krông Nô	89	-2	87	4	
4	UBND huyện Cư Jút	100	-2	98	4	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Biên chế giao năm 2018	Hợp đồng LĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP giao năm 2018	Ghi chú
5	UBND huyện Đắk Mil	96	-2	94	4	
6	UBND huyện Đắk Song	92	-2	90	4	
7	UBND huyện Đắk R'Lấp	98	-1	97	4	
8	UBND huyện Tuy Đức	90	-2	88	4	
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>21</b>		<b>21</b>		



**SỐ LIỆU DỰ KIẾN CẮT GIẢM BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH TỪ NĂM 2015-2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biểu 01 chi tiết

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm (%)	Ghi chú
			Biên chế giao năm 2016	Đã cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế giao năm 2017	Đã cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế dự kiến giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
<b>Tổng cộng</b>		2.168	2.125	-43	1,98	2.099	-24	1,11	2.067	-32	1,48	-37	1,71	-44	2,03	1.944	-34	1,57	-224	10,33			
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	1.373	1.315	-58	4,22	1.308	-7	0,51	1.289	-19	1,38	-16	1,17	-24	1,75	1.222	-17	1,24	-151	11,00			
1	Sở Tư pháp	37	36	-1	2,70	32	-4	10,81	32	0	0,00	0	0,00	0	0,00	32	0	0,00	-5	13,51	Năm 2017 điều chuyển về VP UBND tỉnh 03 biên chế		
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	42	0	0,00	42	0	0,00	41	-1	2,38	-1	2,38	-1	2,38	38	-1	2,38	-4	9,52			
3	Sở Tài chính	56	56	0	0,00	56	0	0,00	55	-1	1,79	-2	3,57	-2	3,57	50	-1	1,79	-6	10,71			
4	Sở Nội vụ	86	84	-2	2,33	81	-3	3,49	80	-1	1,16	-2	2,33	-2	2,33	74	-2	2,33	-12	13,95	Năm 2017 điều chuyển về VP UBND tỉnh 02 biên chế		
5	Sở Công Thương	88	80	-8	9,09	80	0	0,00	80	0	0,00	0	0,00	0	0,00	80	0	0,00	-8	9,09	Năm 2017 tiếp nhận 01 biên chế từ nguồn dự phòng		
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	411	398	-13	3,16	395	-3	0,73	389	-6	1,46	-6	1,46	-7	1,70	370	-6	1,46	-41	9,98			
7	Sở Giao thông vận tải	49	47	-2	4,08	46	-1	2,04	45	-1	2,04	0	0,00	-1	2,04	44	0	0,00	-5	10,20			
8	Sở Xây dựng	42	42	0	0,00	42	0	0,00	40	-2	4,76	-1	2,38	-1	2,38	37	-1	2,38	-5	11,90			
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	49	-1	-2,00	48	-1	2,00	47	-1	2,00	-1	2,00	-1	2,00	45	0	0,00	-5	10,00			
10	Sở Thông tin và Truyền thông	38	34	-4	10,53	34	0	0,00	34	0	0,00	0	0,00	0	0,00	34	0	0,00	-4	10,53	Năm 2017 tiếp nhận 01 cử tuyển, biên chế từ nguồn dự phòng		
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51	48	-3	5,88	48	0	0,00	47	-1	1,96	0	0,00	0	0,00	46	-1	1,96	-5	9,80			



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm (%)	Ghi chú
			Biên chế giao năm 2016	Đã cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế giao năm 2017	Đã cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế dự kiến giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)			
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	56	50	-6	10,71	50	0	0,00	50	0	0,00	0	0,00	0	0,00	50	0	0,00	-6	10,71	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	41	41	0	0,00	40	-1	2,44	39	-1	2,44	-1	2,44	-1	2,44	36	-1	2,44	-5	12,20	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	49	-3	5,77	48	-1	1,92	48	0	0,00	0	0,00	-1	1,92	46	-1	1,92	-6	11,54	
15	Sở Y tế	65	59	-6	9,23	59	0	0,00	59	0	0,00	0	0,00	-1	1,54	58	0	0,00	-7	10,77	
16	Thanh tra tỉnh	39	38	-1	2,56	38	0	0,00	37	-1	2,56	-1	2,56	-1	2,56	35	0	0,00	-4	10,26	
17	Văn phòng UBND tỉnh	63	61	-2	3,17	65	4	-6,35	64	-1	1,59	-1	1,59	-1	1,59	56	-1	1,59	-7	11,11	Năm 2017 tiếp nhận 05 biên chế từ Sở Nội vụ và Sở Tư pháp
18	Sở Ngoại vụ	21	22	1	0,00	22	0	0,00	21	-1	4,76	0	0,00	-1	4,76	18	-1	4,76	-3	14,29	
19	Ban dân tộc	23	22	-1	4,35	22	0	0,00	21	-1	4,35	0	0,00	-1	4,35	20	0	0,00	-3	13,04	
20	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (Nay là Văn phòng HĐND tỉnh)	41	35	-6	14,63	38	3	0,00	38	0	0,00	0	0,00	0	0,00	35	0	0,00	-6	14,63	
21	Văn phòng Ban an toàn giao thông	5	4	-1	20,00	4	0	0,00	4	0	0,00	0	0,00	0	0,00	4	0	0,00	-1	20,00	
22	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	13	14	1	0,00	14	0	0,00	14	0	0,00	0	0,00	-1	7,69	11	-1	7,69	-2	15,38	
23	Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	4	4	0	0,00	4	0	0,00	4	0	0,00	0	0,00	-1	25,00	3	0	0,00	-1	25,00	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>793</b>	<b>780</b>	<b>-13</b>	<b>1,64</b>	<b>770</b>	<b>-10</b>	<b>1,26</b>	<b>757</b>	<b>-13</b>	<b>1,64</b>	<b>-18</b>	<b>2,27</b>	<b>-16</b>	<b>2,02</b>	<b>710</b>	<b>-13</b>	<b>1,64</b>	<b>-83</b>	<b>10,47</b>	
1	UBND thị xã Gia Nghĩa	124	118	-6	4,84	116	-2	1,61	115	-1	0,81	-1	0,81	-2	1,61	111	-1	0,81	-13	10,48	
2	UBND huyện Đắk Glong	91	90	-1	1,10	89	-1	1,10	88	-1	1,10	-2	2,20	-2	2,20	82	-2	2,20	-9	9,89	
3	UBND huyện Krông Nô	91	90	-1	1,10	89	-1	1,10	87	-2	2,20	-2	2,20	-2	2,20	81	-2	2,20	-10	10,99	
4	UBND huyện Cư Jút	102	101	-1	0,98	100	-1	0,98	98	-2	1,96	-3	2,94	-2	1,96	91	-2	1,96	-11	10,78	
5	UBND huyện Đắk Míl	99	98	-1	1,01	96	-2	2,02	94	-2	2,02	-2	2,02	-2	2,02	89	-1	1,01	-10	10,10	
6	UBND huyện Đắk Song	93	92	-1	1,08	92	0	0,00	90	-2	2,15	-3	3,23	-2	2,15	83	-2	2,15	-10	10,75	
7	UBND huyện Đắk R'Lấp	101	100	-1	0,99	98	-2	1,98	97	-1	0,99	-2	1,98	-2	1,98	91	-2	1,98	-10	9,90	
8	UBND huyện Tuy Đức	92	91	-1	1,09	90	-1	1,09	88	-2	2,17	-3	3,26	-2	2,17	82	-1	1,09	-10	10,87	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm (%)	Ghi chú
			Biên chế giao năm 2016	Đã cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế giao năm 2017	Đã cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế dự kiến giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Dự kiến cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm so với năm 2015 (%)			
III	Biên chế dự phòng	2	30	28		21	-7		21	0		-3		-4		12	-4		10		

**- Biên chế dự phòng**

Năm 2015: 02 biên chế;

Năm 2016: 30 biên chế; tăng thêm 28 biên chế ( $28+2 = 30$ );

Năm 2017: 21 biên chế (bổ sung 02 biên chế cho Sở Công Thương và Sở TT&TT và tinh giảm 7 biên chế  $= 30 - 2 - 7 = 21$ );

Năm 2018: 21 biên chế;



## TỜ TRÌNH

### Về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông. UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông và báo cáo giải trình một số nội dung liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị quyết, như sau:

#### 1. Tính pháp lý của dự thảo Nghị quyết

Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012;

Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông, trong đó *đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông trình HĐND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định;*

Công văn số 565/BNV-TCBC ngày 07/02/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao chỉ tiêu biên chế cho các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông.

#### 2. Sự cần thiết xây dựng dự thảo Nghị quyết

Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông theo Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ là: **13.614** người, giảm **303** người so với tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông phê duyệt năm 2017 (**13.917** người) nhằm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định về chính sách tinh giản biên chế; biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 của tỉnh Đắk nông là: **103** người, theo nội dung Công văn số 565/BNV-TCBC ngày 07/02/2018 của Bộ Nội vụ.



Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết trên là cần thiết, phù hợp với quy định của Trung ương.

### **3. Giải trình nội dung dự thảo Nghị quyết**

#### **3.1. Về Biên chế sự nghiệp**

Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông theo Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ là: **13.614** người, giảm **303** người.

Trên tinh thần thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế “*Từng bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong 7 năm (2015-2021) và từng năm, trong đó phải xác định tỷ lệ tinh giản biên chế tối thiểu là 10% biên chế của từng Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”. Như vậy, từ 2015-2021 (**07 năm**) số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Nông phải giảm tối thiểu **1.411** người.

Trong 4 năm còn lại (2018-2021) tỉnh Đắk Nông phải giảm ít nhất **1210** người ( $14.119 - 202 - 12.707$ ), giảm ít nhất 8,7% bình quân giảm ít nhất 303 người/năm (giảm 2,2%/năm) so với biên chế được Bộ Nội vụ thẩm định và Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt năm 2017.

Bộ Nội vụ cắt giảm **303** người tại Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 tương ứng giảm 2,2%/năm.

#### **3.2. Về Hội có tính chất đặc thù:**

Thực hiện Công văn số 565/BNV-TCBC ngày 07/02/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao chỉ tiêu biên chế cho các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông, trong đó có nội dung “trước mắt đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ ổn định số biên chế đã giao cho các hội có tính chất đặc thù, tiến tới thực hiện khoán hoặc hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng” là **103** người.

### **4. Đề xuất, kiến nghị**

Căn cứ Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông thì UBND tỉnh có trách nhiệm trình HĐND tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc, trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 của tỉnh Đắk Nông.

Vì vậy, đề nghị HĐND tỉnh giao tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 của tỉnh Đắk Nông, không thực hiện việc phân bổ chi tiết số lượng chỉ tiêu biên chế



xuống các đơn vị, nhằm bảo đảm cho các đơn vị chủ động trong điều tiết công việc, nhiệm vụ được giao. Việc điều tiết số lượng người làm việc trong nội bộ các đơn vị, hàng năm các đơn vị phải báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp, tham mưu.

Căn cứ các quy định của Đảng, nhà nước, UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 của tỉnh Đắk Nông (*có dự thảo Nghị quyết kèm theo*).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KHTH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bón**



PHỤ LỤC

Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập,  
biên chế các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông năm 2018

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2018 của UBND tỉnh)

Biểu 02

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Giao năm 2018	Biên chế Hội có tính chất đặc thù Giao năm 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13.917</b>	<b>-303</b>	<b>13.614</b>		
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>4.570</b>	<b>-92</b>	<b>4.478</b>		+10 vào 2 Ban
1	Sở Nội vụ	20	-10	10		Điều chuyển 10 biên chế sự nghiệp về TTHCC
2	Sở Tư pháp	27	-1	26		
3	Sở Công Thương	18	-1	17		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	237	-4	239		Năm 2018 giao cho 02 Ban của Sở NN&PTNT 06 biên chế từ dự phòng
5	Sở Giao thông - Vận tải	18	-1	17		
6	Sở Xây dựng	5		5		
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	89	-1	88		
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	92	-2	90		
9	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	149	-2	147		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	-1	19		
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.649	-31	1.618		Trong số giảm 31 có 01 biên chế sự nghiệp chuyển về TTHCC
12	Sở Y tế	2.086	-46	2.060		
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	-2	18		Trong số giảm 02 có 01 biên chế sự nghiệp chuyển về TTHCC
14	Sở Thông tin và Truyền thông	7		7		
15	Văn phòng UBND tỉnh	6	12	18		Tiếp nhận 10 BC từ Sở Nội vụ, 01 BC từ Sở GD&ĐT, 01 BC từ Sở KH&ĐT
16	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	89	-10	79		
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	20	-15	5		Đơn vị tự chủ 100% kinh phí (Công ty PTHH KCN Tâm Tảng giảm 02 biên chế, chuyển 08 biên chế về dự phòng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chuyển 10 biên chế về dự phòng, BQLDA ĐTXDCT DD&CN chuyển 13 biên chế về dự phòng)
	<i>Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Tảng</i>	20	-15	5		
18	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp	18	-13	5		
19	BQLDA ĐTXDCT Giao thông	0		5		
20	BQLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	0		5		
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>9.347</b>	<b>-211</b>	<b>9.136</b>		
<b>1</b>	<b>UBND thị xã Gia Nghĩa</b>	<b>860</b>	<b>-21</b>	<b>839</b>		
1.1	Sự nghiệp Giáo dục	819				
1.2	Sự nghiệp khác	41				
<b>2</b>	<b>UBND huyện Đắk Glong</b>	<b>920</b>	<b>-22</b>	<b>898</b>		
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	884				
2.2	Sự nghiệp khác	36				
<b>3</b>	<b>UBND huyện Đắk R'lấp</b>	<b>1.357</b>	<b>-30</b>	<b>1.327</b>		
3.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.302				
3.2	Sự nghiệp khác	55				
<b>4</b>	<b>UBND huyện Đắk Song</b>	<b>1.133</b>	<b>-26</b>	<b>1.107</b>		



4.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.093			
4.2	Sự nghiệp khác	40			
<b>5</b>	<b>UBND huyện Đắk Mil</b>	<b>1.501</b>	<b>-32</b>	<b>1.469</b>	
5.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.450			
5.2	Sự nghiệp khác	51			
<b>6</b>	<b>UBND huyện Cư Jút</b>	<b>1.414</b>	<b>-32</b>	<b>1.382</b>	
6.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.362			
6.2	Sự nghiệp khác	52			
<b>7</b>	<b>UBND huyện Krông Nô</b>	<b>1.320</b>	<b>-30</b>	<b>1.290</b>	
7.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.257			
7.2	Sự nghiệp khác	63			
<b>8</b>	<b>UBND huyện Tuy Đức</b>	<b>842</b>	<b>-18</b>	<b>824</b>	
8.1	Sự nghiệp Giáo dục	802			
8.2	Sự nghiệp khác	40			
<b>III</b>	<b>Biên chế Hội có tình chất đặc thù</b>				<b>103</b>
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh</b>				<b>67</b>
1	Liên minh Hợp tác xã				17
2	Hội Chữ thập đỏ				12
3	Hội Văn học nghệ thuật				10
4	Hội Nhà báo				2
5	Hội Nạn nhân chất độc da cam				3
6	Hội Đông y				7
7	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật				3
8	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia				3
9	Hội Cựu Thanh niên xung phong				3
10	Hội Khuyến học				4
11	Hội Người cao tuổi				3
<b>2</b>	<b>Cấp huyện</b>				<b>36</b>
1	UBND thị xã Gia Nghĩa				5
2	UBND huyện Đắk Glong				4
3	UBND huyện Đắk R'lấp				4
4	UBND huyện Đắk Song				4
5	UBND huyện Đắk Mil				4
6	UBND huyện Cư Jút				7
7	UBND huyện Krông Nô				4
8	UBND huyện Tuy Đức				4



DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập,  
biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Công văn số 5998/BNV-TCBC ngày 15/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 565/BNV-TCBC ngày 07/02/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao chỉ tiêu biên chế cho các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh về việc giao tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù năm 2018 của tỉnh Đắk Nông là:

1. Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **13.614** người, trong đó:

a) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh là **4.478** người, gồm:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: **1.618** người
- Sự nghiệp Y tế (bao gồm cả tuyến huyện, xã): **2.060** người
- Sự nghiệp khác: **800** người.



b) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện là **9.136** người.

2. Biên chế Hội có tính chất đặc thù: **103** biên chế.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết chỉ tiêu số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh, cấp huyện và rà soát tổng thể số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù theo lộ trình đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa III, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV phòng TH, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Diễn**



PHỤ LỤC

Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập,  
biên chế các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông năm 2018

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biểu 02

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Giao năm 2018	Biên chế Hội có tính chất đặc thù Giao năm 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13.917</b>	<b>-303</b>	<b>13.614</b>		
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>4.538</b>	<b>-92</b>	<b>4.426</b>		+10 vào 2 Ban
1	Sở Nội vụ	20	-10	10		Điều chuyển 10 biên chế sự nghiệp về TTHCC
2	Sở Tư pháp	27	-1	26		
3	Sở Công Thương	18	-1	17		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	237	-4	239		Năm 2018 giao cho 02 Ban của Sở NN&PTNT 06 biên chế từ dự phòng
5	Sở Giao thông - Vận tải	18	-1	17		
6	Sở Xây dựng	5		5		
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	89	-1	88		
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	92	-2	90		
9	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	149	-2	147		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	-1	19		
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.649	-31	1.618		Trong số giảm 31 có 01 biên chế sự nghiệp chuyển về TTHCC
12	Sở Y tế	2.054	-46	2.008		
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	-2	18		Trong số giảm 02 có 01 biên chế sự nghiệp chuyển về TTHCC
14	Sở Thông tin và Truyền thông	7		7		
15	Văn phòng UBND tỉnh	6	12	18		Tiếp nhận 10 BC từ Sở Nội vụ, 01 BC từ Sở GD&ĐT, 01 BC từ Sở KH&ĐT
16	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	89	-10	79		
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	20	-15	5		Đơn vị tự chủ 100% kinh phí (Công ty PHTT KCN Tâm Tăng giảm 02 biên chế, chuyển 08 biên chế về dự phòng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chuyển 10 biên chế về dự phòng, BQLDA ĐTXDCT DD&CN chuyển 13 biên chế về dự phòng)
	<i>Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Tăng</i>	20	-15	5		
18	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp	18	-13	5		
19	BQLDA ĐTXDCT Giao thông	0		5		
20	BQLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	0		5		
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>9.347</b>	<b>-211</b>	<b>9.136</b>		
1	<b>UBND thị xã Gia Nghĩa</b>	<b>860</b>	<b>-21</b>	<b>839</b>		
1.1	Sự nghiệp Giáo dục	819				
1.2	Sự nghiệp khác	41				
2	<b>UBND huyện Đắk Glong</b>	<b>920</b>	<b>-22</b>	<b>898</b>		
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	884				
2.2	Sự nghiệp khác	36				
3	<b>UBND huyện Đắk R'lấp</b>	<b>1.357</b>	<b>-30</b>	<b>1.327</b>		
3.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.302				
3.2	Sự nghiệp khác	55				
4	<b>UBND huyện Đắk Song</b>	<b>1.133</b>	<b>-26</b>	<b>1.107</b>		



4.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.093			
4.2	Sự nghiệp khác	40			
<b>5</b>	<b>UBND huyện Đắk Mil</b>	<b>1.501</b>	<b>-32</b>	<b>1.469</b>	
5.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.450			
5.2	Sự nghiệp khác	51			
<b>6</b>	<b>UBND huyện Cư Jút</b>	<b>1.414</b>	<b>-32</b>	<b>1.382</b>	
6.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.362			
6.2	Sự nghiệp khác	52			
<b>7</b>	<b>UBND huyện Krông Nô</b>	<b>1.320</b>	<b>-30</b>	<b>1.290</b>	
7.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.257			
7.2	Sự nghiệp khác	63			
<b>8</b>	<b>UBND huyện Tuy Đức</b>	<b>842</b>	<b>-18</b>	<b>824</b>	
8.1	Sự nghiệp Giáo dục	802			
8.2	Sự nghiệp khác	40			
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>32</b>		<b>52</b>	
<b>IV</b>	<b>Biên chế Hội có tính chất đặc thù</b>				<b>103</b>
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh</b>				<b>67</b>
1	Liên minh Hợp tác xã				17
2	Hội Chữ thập đỏ				12
3	Hội Văn học nghệ thuật				10
4	Hội Nhà báo				2
5	Hội Nạn nhân chất độc da cam				3
6	Hội Đông y				7
7	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật				3
8	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia				3
9	Hội Cựu Thanh niên xung phong				3
10	Hội Khuyến học				4
11	Hội Người cao tuổi				3
<b>2</b>	<b>Cấp huyện</b>				<b>36</b>
1	UBND thị xã Gia Nghĩa				5
2	UBND huyện Đắk Glong				4
3	UBND huyện Đắk R'lấp				4
4	UBND huyện Đắk Song				4
5	UBND huyện Đắk Mil				4
6	UBND huyện Cư Jút				7
7	UBND huyện Krông Nô				4
8	UBND huyện Tuy Đức				4



SỐ LIỆU DỰ KIẾN CẮT GIẢM BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TỪ NĂM 2015-2021

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biểu 02 chi tiết

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Biên chế giao năm 2016	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm%	Ghi chú
				Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		14.119	14.119	13.917	-202	4	13.614	-303	4	-316	4	-314	4	12.618	-304	4	-1.454	10,30	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>4.725</b>	<b>4.684</b>	<b>4.538</b>	<b>-146</b>	<b>3,1</b>	<b>4.426</b>	<b>-92</b>	<b>1,9</b>	<b>-90</b>	<b>1,9</b>	<b>-89</b>	<b>1,9</b>	<b>4.159</b>	<b>-78</b>	<b>1,7</b>	<b>-536</b>	<b>11,34</b>	
1	Sở Nội vụ	21	21	20	-1	4,8	10	-10	47,6	-1	4,8			9			-12	57,14	Năm 2018 Điều chuyển 10 BC về TTHCC
2	Sở Tư pháp	30	30	27	-3	10,0	26	-1	3,3					26			-4	13,33	
3	Sở Công Thương	19	19	18	-1	5,3	17	-1	5,3					17			-2	10,53	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	249	257	237	-20	8,0	239	-4	1,6	-1	0,4	0	0,0	238	0	0,0	-25	10,04	Năm 2018 giao cho 02 Ban của Sở NN&PTNT 06 biên chế từ dự phòng
5	Sở Giao thông - Vận tải	18	18	18			17	-1	5,6	-1	5,6			16			-2	11,11	
6	Sở Xây dựng	10	10	5	-5	50,0	5							5			-5	50,00	
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	63	89	89			88	-1	1,6	-1	1,6	-2	3,2	83	-2	3,2	-6	9,52	Đến năm 2021 đã giảm 06 biên chế so với biên chế giao năm 2015, số lượng biên chế tăng do điều chuyển biên chế khi thay đổi chức năng nhiệm vụ
8	Sở Lao động TB & XH	93	93	92	-1	1,1	90	-2	2,2	-2	2,2	-2	2,2	84	-2	2,2	-9	9,68	
9	Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch	158	158	149	-9	5,7	147	-2	1,3	-1	0,6	-2	1,3	143	-1	0,6	-15	9,49	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	20	20		0,0	19	-1	5,0	-1	5,0			18			-2	10,00	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.753	1.678	1.649	-29	1,7	1.618	-31	1,8	-15	0,9	-15	0,9	1.578	-10	0,6	-175	9,98	Năm 2018 Điều chuyển 01 BC về TTHCC
12	Sở Y tế	2.054	2.054	2.054			2.008	-46	2,2	-52	2,5	-52	2,5	1.851	-53	2,6	-203	9,88	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Biên chế giao năm 2016	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm%	Ghi chú
				Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	20	20			18	-2	10,0	-1	5,0			17			-3	15,00	Năm 2018 Điều chuyển 01 BC về TTHCC
14	Sở Thông tin và Truyền thông	10	10	7	-3	30,0	7							7			-3	30,00	Năm 2017 chuyển 02 biên chế về VP
15	Văn phòng UBND tỉnh	4	4	6	2		18	12						18			0	0,00	Năm 2017 nhận 2 biên chế từ Sở TT&TT; Năm 2018 tiếp nhận 10 BC từ Sở Nội vụ, 01 BC từ Sở GD&ĐT, 01 BC từ Sở KH&ĐT
16	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	91	91	89	-2	2,2	79	-10	11,0	-10	11,0	-10	11,0	49	-10	11,0	-42	46,15	
17	Ban QL các Khu công nghiệp	25	25	20	-5	20,0	5	-15	60,0	-2	8,0	-3	12,0	0			-25	100,00	
	<i>Cty PHTT KCN Tâm Thắng</i>	25	25	20	-5	20,0	5	-15	60,0	-2	8,0	-3	12,0	0			-25	100,00	
18	BQLDA ĐT XDCT DD & CN	20	20	18	-2	10,0	5	-13	65,0	-2	10,0	-3	15,0	0			-20	100,00	Đơn vị tự chủ 100% kinh phí
19	BQLDA ĐT XDCT giao thông	0	0				5							0			0	0,00	
20	BQLDA ĐT XDCT NN & PTNT	0	0				5							0			0	0,00	
	<b>Hội đặc thù</b>	<b>67</b>	<b>67</b>		<b>-67</b>														
21	Liên minh Hợp tác xã	17	17																
22	Hội chữ thập đỏ	12	12																
23	Hội văn học nghệ thuật	10	10																
24	Hội Nhà báo	2	2																
25	Hội nạn nhân chất độc da cam	3	3																
26	Hội Đông y	7	7																
27	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	3	3																
28	Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia	3	3																
29	Hội Cựu thanh niên xung phong	3	3																
30	Hội Khuyến học	4	4																
31	Hội người cao tuổi	3	3																
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>9.391</b>	<b>9.402</b>	<b>9.347</b>	<b>-41</b>	<b>0,4</b>	<b>9.136</b>	<b>-211</b>	<b>2,2</b>	<b>-226</b>	<b>2,4</b>	<b>-225</b>	<b>2,4</b>	<b>8.459</b>	<b>-226</b>	<b>2,4</b>	<b>-918</b>	<b>9,78</b>	
	<i>Hội đặc thù cấp huyện</i>	36	36																



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Biên chế giao năm 2016	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm%	Ghi chú
				Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	UBND thị xã Gia Nghĩa	869	866	860	-6	0,7	839	-21	2,4	-20	2,3	-20	2,3	779	-20	2,3	-90	10,01	
	Hội chữ thập đỏ	3	3		-3														
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
2	UBND huyện Đắk Glong	927	924	920	-4	0,4	898	-22	2,4	-23	2,5	-22	2,4	831	-22	2,4	-96	10,03	
	Hội Chữ thập đỏ	2	2		-2														
	Hội Người cao tuổi	2	2		-2														
3	UBND huyện Đắk R'lấp	1.353	1.361	1.357	-4	0,3	1.327	-30	2,2	-34	2,5	-34	2,5	1225	-34	2,5	-128	10,05	
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
4	UBND huyện Đắk Song	1.131	1.141	1.133	-8	0,7	1.107	-26	2,3	-27	2,4	-26	2,3	1028	-26	2,3	-103	9,99	
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
5	UBND huyện Đắk Mil	1.502	1.513	1.501	-12	0,8	1.469	-32	2,1	-35	2,3	-36	2,4	1362	-36	2,4	-140	10,05	
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
6	UBND huyện Cư Jút	1.466	1.437	1.414	-9	0,6	1.382	-32	2,2	-35	2,4	-35	2,4	1276	-36	2,5	-176	10,03	Năm 2017 chuyển 14 BC về dự phòng
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
	Hội Đông y	2	2		-2														
	Hội người mù	1	1		-1														
7	UBND huyện Krông Nô	1.302	1.312	1.320	8	0,6	1.290	-30	2,3	-32	2,5	-32	2,5	1194	-32	2,5	-108	10,29	Năm 2017 nhận 13 BC từ Sở NN&PTNT (-5+13=8)
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội Chữ thập đỏ	2	2		-2														
8	UBND huyện Tuy Đức	841	848	842	-6	0,7	824	-18	2,1	-20	2,4	-20	2,4	764	-20	2,4	-77	9,99	
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
III	Biên chế dự phòng	3	33	32	-15		52												



PHỤ LỤC

Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập,  
biên chế các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông năm 2018

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biểu 02

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Giao năm 2018	Biên chế Hội có tính chất đặc thù Giao năm 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13.917</b>	<b>-303</b>	<b>13.614</b>		
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>4.570</b>	<b>-92</b>	<b>4.478</b>		+10 vào 2 Ban
1	Sở Nội vụ	20	-10	10		Điều chuyển 10 biên chế sự nghiệp về TTHCC
2	Sở Tư pháp	27	-1	26		
3	Sở Công Thương	18	-1	17		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	237	-4	239		Năm 2018 giao cho 02 Ban của Sở NN&PTNT 06 biên chế từ dự phòng
5	Sở Giao thông - Vận tải	18	-1	17		
6	Sở Xây dựng	5		5		
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	89	-1	88		
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	92	-2	90		
9	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	149	-2	147		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	-1	19		
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.649	-31	1.618		Trong số giảm 31 có 01 biên chế sự nghiệp chuyển về TTHCC
12	Sở Y tế	2.086	-46	2.060		
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	-2	18		Trong số giảm 02 có 01 biên chế sự nghiệp chuyển về TTHCC
14	Sở Thông tin và Truyền thông	7		7		
15	Văn phòng UBND tỉnh	6	12	18		Tiếp nhận 10 BC từ Sở Nội vụ, 01 BC từ Sở GD&ĐT, 01 BC từ Sở KH&ĐT
16	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	89	-10	79		
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	20	-15	5		Đơn vị tự chủ 100% kinh phí (Công ty PTH T KCN Tâm Tầng giảm 02 biên chế, chuyển 08 biên chế về dự phòng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chuyển 10 biên chế về dự phòng, BQLDA ĐTXDCT DD&CN chuyển 13 biên chế về dự phòng)
	<i>Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Tầng</i>	20	-15	5		
18	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp	18	-13	5		
19	BQLDA ĐTXDCT Giao thông	0		5		
20	BQLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	0		5		
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>9.347</b>	<b>-211</b>	<b>9.136</b>		
1	<b>UBND thị xã Gia Nghĩa</b>	<b>860</b>	<b>-21</b>	<b>839</b>		
1.1	Sự nghiệp Giáo dục	819				
1.2	Sự nghiệp khác	41				
2	<b>UBND huyện Đắk Glong</b>	<b>920</b>	<b>-22</b>	<b>898</b>		
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	884				
2.2	Sự nghiệp khác	36				
3	<b>UBND huyện Đắk R'lấp</b>	<b>1.357</b>	<b>-30</b>	<b>1.327</b>		
3.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.302				
3.2	Sự nghiệp khác	55				
4	<b>UBND huyện Đắk Song</b>	<b>1.133</b>	<b>-26</b>	<b>1.107</b>		



4.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.093				
4.2	Sự nghiệp khác	40				
<b>5</b>	<b>UBND huyện Đắk Mil</b>	<b>1.501</b>	<b>-32</b>	<b>1.469</b>		
5.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.450				
5.2	Sự nghiệp khác	51				
<b>6</b>	<b>UBND huyện Cư Jút</b>	<b>1.414</b>	<b>-32</b>	<b>1.382</b>		Năm 2017 chuyển 14 BC về dự phòng
6.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.362				
6.2	Sự nghiệp khác	52				
<b>7</b>	<b>UBND huyện Krông Nô</b>	<b>1.320</b>	<b>-30</b>	<b>1.290</b>		Năm 2017 nhận 13 BC từ Sở NN&PTNT
7.1	Sự nghiệp Giáo dục	1.257				
7.2	Sự nghiệp khác	63				
<b>8</b>	<b>UBND huyện Tuy Đức</b>	<b>842</b>	<b>-18</b>	<b>824</b>		
8.1	Sự nghiệp Giáo dục	802				
8.2	Sự nghiệp khác	40				
<b>III</b>	<b>Biên chế Hội có tính chất đặc thù</b>					<b>103</b>
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh</b>					<b>67</b>
1	Liên minh Hợp tác xã					17
2	Hội Chữ thập đỏ					12
3	Hội Văn học nghệ thuật					10
4	Hội Nhà báo					2
5	Hội Nạn nhân chất độc da cam					3
6	Hội Đông y					7
7	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật					3
8	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia					3
9	Hội Cựu Thanh niên xung phong					3
10	Hội Khuyến học					4
11	Hội Người cao tuổi					3
<b>2</b>	<b>Cấp huyện</b>					<b>36</b>
1	UBND thị xã Gia Nghĩa					5
2	UBND huyện Đắk Glong					4
3	UBND huyện Đắk R'lấp					4
4	UBND huyện Đắk Song					4
5	UBND huyện Đắk Mil					4
6	UBND huyện Cư Jút					7
7	UBND huyện Krông Nô					4
8	UBND huyện Tuy Đức					4



SỐ LIỆU DỰ KIẾN CẮT GIẢM BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TỪ NĂM 2015-2021

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biểu 02 chi tiết

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Biên chế giao năm 2016	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm%	Ghi chú
				Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		14.119	14.119	13.917	-202	4	13.614	-303	4	-316	4	-314	4	12.670	-304	4	-1.454	10,30	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>4.725</b>	<b>4.684</b>	<b>4.570</b>	<b>-146</b>	<b>3,1</b>	<b>4.478</b>	<b>-92</b>	<b>1,9</b>	<b>-90</b>	<b>1,9</b>	<b>-89</b>	<b>1,9</b>	<b>4.211</b>	<b>-78</b>	<b>1,7</b>	<b>-536</b>	<b>11,34</b>	
1	Sở Nội vụ	21	21	20	-1	4,8	10	-10	47,6	-1	4,8			9			-12	57,14	Năm 2018 Điều chuyển 10 BC về TTHCC
2	Sở Tư pháp	30	30	27	-3	10,0	26	-1	3,3					26			-4	13,33	
3	Sở Công Thương	19	19	18	-1	5,3	17	-1	5,3					17			-2	10,53	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	249	257	237	-20	8,0	239	-4	1,6	-1	0,4	0	0,0	238	0	0,0	-25	10,04	Năm 2018 giao cho 02 Ban của Sở NN&PTNT 06 biên chế từ dự phòng
5	Sở Giao thông - Vận tải	18	18	18			17	-1	5,6	-1	5,6			16			-2	11,11	
6	Sở Xây dựng	10	10	5	-5	50,0	5							5			-5	50,00	
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	63	89	89			88	-1	1,6	-1	1,6	-2	3,2	83	-2	3,2	-6	9,52	Đến năm 2021 đã giảm 06 biên chế so với biên chế giao năm 2015, số lượng biên chế tăng do điều chuyển biên chế khi thay đổi chức năng nhiệm vụ
8	Sở Lao động TB & XH	93	93	92	-1	1,1	90	-2	2,2	-2	2,2	-2	2,2	84	-2	2,2	-9	9,68	
9	Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch	158	158	149	-9	5,7	147	-2	1,3	-1	0,6	-2	1,3	143	-1	0,6	-15	9,49	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	20	20		0,0	19	-1	5,0	-1	5,0			18			-2	10,00	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.753	1.678	1.649	-29	1,7	1.618	-31	1,8	-15	0,9	-15	0,9	1.578	-10	0,6	-175	9,98	Năm 2018 Điều chuyển 01 BC về TTHCC
12	Sở Y tế	2.054	2.054	2.086			2.060	-46	2,2	-52	2,5	-52	2,5	1.903	-53	2,6	-203	9,88	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Biên chế giao năm 2016	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm%	Ghi chú
				Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	20	20			18	-2	10,0	-1	5,0			17			-3	15,00	Năm 2018 Điều chuyển 01 BC về TTHCC
14	Sở Thông tin và Truyền thông	10	10	7	-3	30,0	7							7			-3	30,00	Năm 2017 chuyển 02 biên chế về VP
15	Văn phòng UBND tỉnh	4	4	6	2		18	12						18			0	0,00	Năm 2017 nhận 2 biên chế từ Sở TT&TT; Năm 2018 tiếp nhận 10 BC từ Sở Nội vụ, 01 BC từ Sở GD&ĐT, 01 BC từ Sở KH&ĐT
16	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	91	91	89	-2	2,2	79	-10	11,0	-10	11,0	-10	11,0	49	-10	11,0	-42	46,15	
17	Ban QL các Khu công nghiệp	25	25	20	-5	20,0	5	-15	60,0	-2	8,0	-3	12,0	0			-25	100,00	
	<i>Cty PHTT KCN Tâm Thắng</i>	25	25	20	-5	20,0	5	-15	60,0	-2	8,0	-3	12,0	0			-25	100,00	
18	BQLDA ĐT XDCT DD & CN	20	20	18	-2	10,0	5	-13	65,0	-2	10,0	-3	15,0	0			-20	100,00	Đơn vị tự chủ 100% kinh phí
19	BQLDA ĐT XDCT giao thông	0	0				5							0			0	0,00	
20	BQLDA ĐT XDCT NN & PTNT	0	0				5							0			0	0,00	
	<b>Hội đặc thù</b>	<b>67</b>	<b>67</b>		<b>-67</b>														
21	Liên minh Hợp tác xã	17	17		-17														Năm 2017 tách số người của các hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi của tỉnh Đắk Nông giao trong tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015.
22	Hội chữ thập đỏ	12	12		-12														
23	Hội văn học nghệ thuật	10	10		-10														
24	Hội Nhà báo	2	2		-2														
25	Hội nạn nhân chất độc da cam	3	3		-3														
26	Hội Đông y	7	7		-7														
27	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	3	3		-3														
28	Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia	3	3		-3														
29	Hội Cựu thanh niên xung phong	3	3		-3														
30	Hội Khuyến học	4	4		-4														
31	Hội người cao tuổi	3	3		-3														
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>9.391</b>	<b>9.402</b>	<b>9.347</b>	<b>-41</b>	<b>0,4</b>	<b>9.136</b>	<b>-211</b>	<b>2,2</b>	<b>-226</b>	<b>2,4</b>	<b>-225</b>	<b>2,4</b>	<b>8.459</b>	<b>-226</b>	<b>2,4</b>	<b>-918</b>	<b>9,78</b>	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2015	Biên chế giao năm 2016	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021			Tổng số lượng giảm	Tổng tỷ lệ giảm%	Ghi chú
				Biên chế giao năm 2017	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế giao năm 2018	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản	Biên chế dự kiến giao năm 2021	Đề nghị cắt giảm	Tỷ lệ so với 10% tinh giản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Hội đặc thù cấp huyện	36	36		-36														
1	UBND thị xã Gia Nghĩa	869	866	860	-6	0,7	839	-21	2,4	-20	2,3	-20	2,3	779	-20	2,3	-90	10,01	
	Hội chữ thập đỏ	3	3		-3														
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
2	UBND huyện Đắk Glong	927	924	920	-4	0,4	898	-22	2,4	-23	2,5	-22	2,4	831	-22	2,4	-96	10,03	
	Hội Chữ thập đỏ	2	2		-2														
	Hội Người cao tuổi	2	2		-2														
3	UBND huyện Đắk R'lấp	1.353	1.361	1.357	-4	0,3	1.327	-30	2,2	-34	2,5	-34	2,5	1225	-34	2,5	-128	10,05	
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
4	UBND huyện Đắk Song	1.131	1.141	1.133	-8	0,7	1.107	-26	2,3	-27	2,4	-26	2,3	1028	-26	2,3	-103	9,99	
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
5	UBND huyện Đắk Mil	1.502	1.513	1.501	-12	0,8	1.469	-32	2,1	-35	2,3	-36	2,4	1362	-36	2,4	-140	10,05	
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
6	UBND huyện Cư Jút	1.466	1.437	1.414	-9	0,6	1.382	-32	2,2	-35	2,4	-35	2,4	1276	-36	2,5	-176	10,03	Năm 2017 chuyển 14 BC về dự phòng
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
	Hội Đông y	2	2		-2														
	Hội người mù	1	1		-1														
7	UBND huyện Krông Nô	1.302	1.312	1.320	8	0,6	1.290	-30	2,3	-32	2,5	-32	2,5	1194	-32	2,5	-108	10,29	Năm 2017 nhận 13 BC từ Sở NN&PTNT (-5+13=8)
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội Chữ thập đỏ	2	2		-2														
8	UBND huyện Tuy Đức	841	848	842	-6	0,7	824	-18	2,1	-20	2,4	-20	2,4	764	-20	2,4	-77	9,99	
	Hội người cao tuổi	2	2		-2														
	Hội chữ thập đỏ	2	2		-2														
III	Biên chế dự phòng	3	33		-15														